

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 89/2017/DS-ST

Ngày: 28-7-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Bà Lê Thị Một.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nhật Lam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Kim Hồng, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Số 100/2/3, Đường TC, Khu phố NL, phường NT, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1958; Địa chỉ cư trú: Số 7/29 (Số mới 68), hẻm 3, Đường H, khu phố HB, phường HN, thành phố Tây Ninh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Do quen biết nên bà H có vay tiền của bà nhiều lần, hiện còn nợ 03 khoản tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20-02-2016 âm lịch (ngày 28-3 - 2016 dương lịch), vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Lần 2: Ngày 10-03-2016 âm lịch (ngày 16-4-2016 dương lịch) vay 15.000.000, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Lần 3: Ngày 05-5-2016 âm lịch (ngày 9-6-2016 dương lịch) vay 11.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Do không trả đủ tiền lãi nên 30-7-2016 âm lịch (ngày 01-9-2016 dương lịch) bà H có viết xác nhận nợ bà 8.000.000 đồng tiền lãi. Như vậy, bà H còn nợ bà 46.000.000 đồng tiền nợ gốc và nợ lãi là 8.000.000 đồng. Bà thừa nhận bà H đã trả được số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng cụ thể: Ngày 20-8-2016 âm lịch trả 5.000.000 đồng; Ngày 09-8-2016 âm lịch trả 2.000.000 đồng; Ngày 27-12-2016 âm lịch trả 3.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà H trả số tiền nợ còn lại là 36.000.000 đồng và tiền lãi 8.000.000 đồng, tổng cộng là 44.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

Theo bản tự khai ngày 16-5-2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Ngọc H trình bày:

Bà thừa nhận có vay các khoản tiền của bà S cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20-02-2016 âm lịch (ngày 28-3 - 2016 dương lịch), vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Lần 2: Ngày 10-03-2016 âm lịch (ngày 16-4-2016 dương lịch) vay 15.000.000, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Tuy nhiên do đóng lãi không đúng thỏa thuận nên đến ngày 05-5-2016 âm lịch tức ngày 9-6-2016 dương lịch, bà còn nợ tiền lãi của bà S là 11.000.000 đồng và bà có ký giấy nhận nợ số tiền 11.000.000 đồng. Đến tháng 6-2016 âm lịch bà tiếp tục nợ lãi của bà S 8.000.000 đồng và có ký xác nhận nợ tiền lãi.

Bà đã trả tiền lãi, tiền góp nhiều lần cho bà S tổng cộng là 36.450.000 đồng. Mỗi lần trả lãi, vốn thì bà S có ghi giấy đã nhận tiền. Hiện nay, bà chỉ còn nợ lại bà S 9.550.000 đồng nên đồng ý trả số tiền 9.550.000 đồng và tiền lãi số tiền này theo lãi suất ngân hàng cho. Bà không đồng ý trả 8.000.000 đồng tiền lãi cho bà S do trước đây bà đã trả lãi rất nhiều.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; Điểm c, Khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S đối với bà Lê Ngọc H về “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Ngọc H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim S tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng, nợ lãi là 6.883.000 đồng, tổng cộng là 42.883.000 (Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba ngàn) đồng.

2. Án phí: Buộc bà S, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim S khởi kiện bà Lê Ngọc H về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, do bà H có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005.

[2] Xét yêu cầu của bà S buộc bà H trả số tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng: Do quen biết nên bà S có cho bà H vay tiền nhiều lần. Tại Tòa, các đương sự thừa nhận hiện nay bà H còn nợ bà S các khoản tiền như sau:

Lần 1: Ngày 20-02-2016 âm lịch (ngày 28-3-2016 dương lịch), vay 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Lần 2: Ngày 10-03-2016 âm lịch (ngày 16-4-2016 dương lịch) vay 15.000.000, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Lần 3: Ngày 05-5-2016 âm lịch (ngày 9-6-2016 dương lịch) vay 11.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, không có thỏa thuận ngày trả.

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên được thực hiện vào ngày 20-12-2016, trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và có tranh chấp nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2005 để giải quyết theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015.

Bà H cho rằng số nợ ngày 05-5-2016 (ngày 09-6-2016 dương lịch) là nợ lãi nhưng ghi là nợ gốc. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh là nợ lãi và tại phiên tòa bà H đồng ý chấp nhận số nợ này nên có căn cứ xác định bà H có vay của bà S tổng số tiền là 46.000.000 đồng.

Bà S thừa nhận bà H đã trả được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Bà H trình bày đã trả cho bà S nhiều lần tổng cộng là 36.450.000 đồng. Tuy nhiên, theo nội dung các giấy biên nhận (Bút lục 24, 23, 22, 19) mà bà H cung cấp không thể hiện rõ số tiền bà H đã trả cho bà S là khoản tiền nào, năm nào. Bà S cũng không thừa nhận các giấy biên nhận này vì cho rằng đây là khoản nợ cách đây 03 năm, không phải khoản nợ năm 2016 mà bà đang khởi kiện yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, bà H còn thừa nhận trước đây có vay tiền của bà S, đồng thời trong năm 2016 có đóng tiền góp cho bà S khoản nợ khác trên cùng giấy biên nhận. Do đó việc bà H khai đã trả cho bà S số tiền 36.450.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận mà chỉ chấp nhận khoản tiền bà S đã thừa nhận là 10.000.000 đồng. Như vậy, bà S yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc 36.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

[3] Đối với việc bà S yêu cầu bà H trả 8.000.000 đồng tiền lãi: Các đương sự thừa nhận đến 30-7-2016 âm lịch (ngày 01-9-2016 dương lịch) do bà H không đóng tiền lãi như thỏa thuận nên ký nhận nợ bà S 8.000.000 đồng tiền lãi. Các bên thỏa thuận tiền lãi là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 15% /tháng. Như vậy, lãi suất mà các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại Khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự

2005. Do đó, cần tính lại tiền lãi của 03 lần vay cho đến 30 tháng 7-2016 âm lịch (01-9-2016 dương lịch) như sau:

-Lần 1: $1,125\%/tháng \times 20.000.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 1.155.000 \text{ đồng}$.

-Lần 2: $1,125\%/tháng \times 15.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ tháng} 16 \text{ ngày} = 765.000 \text{ đồng}$.

-Lần 3: $1,125\%/tháng \times 11.000.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ tháng} 23 \text{ ngày} = 342.375 \text{ đồng}$.

Tổng cộng là 2.262.375 đồng.

[4] Đối với việc bà S yêu cầu tính lãi của số tiền 46.000.000 đồng theo quy định pháp luật. Tiền lãi được tính như sau:

Từ 01-9-2016 đến 09-8-2016 âm lịch tức 09-9-2016 là 8 ngày $\times 46.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng = 138.000 \text{ đồng}$.

Từ 09-9-2016 (DL) đến 20-8-2016 (AL) tức ngày 20-9-2016 DL là 11 ngày $\times 44.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% = 181.500 \text{ đồng}$.

Từ 20-9-2016 DL đến 27-12-2016 DL đến 27-12-2016 AL tức ngày 14-01-2017 là 3 tháng 25 ngày $\times 39.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% = 1.681.875 \text{ đồng}$.

Từ 14-01-2017 đến 28-7-2017 là 06 tháng 14 ngày $\times 36.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% = 2.619.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng cộng, bà H còn thiếu bà S là 6.883.000 đồng tiền lãi.

[5] Từ những phân tích trên, bà H có trách nhiệm trả cho S tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng, nợ lãi là 6.883.000 đồng, tổng cộng là 42.883.000 (Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba ngàn) đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tính lãi số tiền 8.000.000 nên bà S phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 5.737.625 đồng tiền lãi. Bà S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, khấu trừ và tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004051 ngày 03-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả cho bà S 1.050.000 đồng.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.144.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1, Khoản 5 Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điểm c, Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S đối với bà Lê Ngọc H về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Lê Ngọc H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim S tiền nợ gốc là 36.000.000 đồng, nợ lãi là 6.883.000 đồng, tổng cộng là 42.883.000 (Bốn mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba ngàn) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của bà S cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, khấu trừ và tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004051 ngày 03-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; hoàn trả cho bà S 1.050.000 (một triệu không trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.144.000 (Hai triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn) đồng.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TTN;
- VKSND. TPTN;
- CC.THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Như Sơn